

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 337/2023/HS-ST

Ngày: 26-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ

2. Ông Ngô Kim Thành.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Ngọc Tiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Ông Ngô Đức Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 303/2023/TLST-HS ngày 24-11-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2023/QĐXXST-HS ngày 14-12-2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn A**, sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 03609600xxxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 5/2 đường C, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Hoàng Thị T; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Hoàng Quỳnh H (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13-09-2023, chuyển tạm giam từ ngày 22-09-2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 12-9-2023, tổ công tác Công an phường T, thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa số nhà 90 đường X, phường M, thành phố N phát hiện Phạm Văn A điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18B2-xxxxxx có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra, A đã tự giác lấy từ trong túi áo sơ mi bên ngực trái đang mặc giao nộp 01 túi nilông màu trắng kích thước khoảng 2 x 2,5cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (A khai là túi ma túy tổng hợp dạng Ketamine mua về để sử dụng). Tổ công tác đã cùng A và anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L là 02 người làm chứng quá trình bắt giữ bị cáo A niêm phong vật chứng, sau đó đưa A cùng người làm chứng về trụ sở phường T, thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với đối tượng Phạm Văn A. Ngoài ra còn tạm giữ của A 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18B2-xxxxxx và 01 chiếc điện thoại di động màu đen mặt sau có chữ Iphone.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với vật chứng đã thu giữ của Phạm Văn A. Bản kết luận giám định số 1418/KL-KTHS ngày 19-9-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi nilông màu trắng kích thước khoảng 2x2,5cm được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Ketamine. Khối lượng mẫu: 1,044 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn A khai nhận: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 12-9-2023, Phạm Văn A sử dụng điện thoại Iphone của mình có số thuê bao 0816.579.xxx nhắn tin đến số thuê bao 0911.945.xxx của Tu (là bạn xã hội, chỉ biết tên Tu nhà ở khu vực ngõ 92 đường X, phường M, thành phố N), A lưu trong danh bạ điện thoại là “T bt” hỏi mua nửa chỉ Ketamine về sử dụng và nói với T khi nào có lương sẽ trả tiền sau, T đồng ý. A điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18B2-xxxxxx đến nhà T ở trong ngõ 92 đường X, phường M, thành phố N (A không nhớ số nhà), T đưa qua cổng sắt 01 túi nilông màu trắng, bên trong có chứa ma túy tổng hợp dạng Ketamine, A cất túi ma túy vào túi áo sơ mi bên phía ngực trái đang mặc rồi điều khiển xe đi tìm chỗ sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N phối hợp với Công an phường X, thành phố N tiến hành xác minh đối tượng tên T đã bán ma túy cho Phạm Văn A ở khu vực ngõ 92 đường X, phường M, thành phố Nam Định. Kết quả xác minh không có đối tượng nào tên T có đặc điểm, nơi ở như Phạm Văn A khai nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N tách ra để điều tra, xử lý sau.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N phối hợp với Trung tâm kinh doanh VNPT Nam Định đề nghị cung cấp thông tin số thuê bao 0816.579.xxx và 0911.945.xxx. Kết quả số thuê bao 0816.579.xxx là thuê bao trả trước đăng ký chủ thuê bao là Phạm Văn A, sinh năm 1996, căn cước công dân số 03609600xxxx, địa chỉ: 5/2 đường C, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định. Kết quả số thuê bao

0911.945.xxx là thuê bao trả trước đăng ký tên chủ thuê bao là Khuru Thanh X, sinh năm 1978, căn cước công dân số 07217800xxx, địa chỉ cư trú: Khu phố T, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ủy thác điều tra cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Tây Ninh tiến hành xác minh, ghi lời khai đối với Khuru Thanh X. Kết quả xác minh chị Khuru Thanh X không đăng ký, không sử dụng số thuê bao 0911.945.xxx, không cho ai mượn số căn cước công dân để đăng ký số bao trên. Ngoài ra năm 2017 chị X đã làm mất chứng minh nhân dân nên phải làm lại chứng minh nhân dân của mình.

Bản Cáo trạng số 322/CT-VKS-TPNĐ ngày 23-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định truy tố Phạm Văn A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên toà: Bị cáo Phạm Văn A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và khai nhận biết rõ hành vi cất giữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện ma túy nên đã tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo Phạm Văn A không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai báo thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn A đã đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn A theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn A từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn A.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong phong bì niêm phong số 1418/KL-KTHS; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen mặt sau có chữ Iphone; trả lại bị cáo Phạm Văn A 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18B2-xxxxx nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Phạm Văn A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn A không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Phạm Văn A nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; biên bản mở niêm phong, giao nhận và cân khối lượng mẫu vật; biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại mẫu vật; bản Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 12-9-2023, tại khu vực trước cửa nhà số 90 đường X, phường M, thành phố N, bị cáo Phạm Văn A đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,044 gam loại ma túy Ketamine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn A đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Bị cáo Phạm Văn A tàng trữ trái phép 1,044 gam loại ma túy Ketamine nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Phạm Văn A tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật: Số ma túy trong phong bì niêm phong số 1418/KL-KTHS là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18B2-xxxxx không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn A nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Chiếc điện thoại di động màu đen mặt sau có chữ Iphone, bị cáo Phạm Văn A sử dụng trong việc liên hệ mua ma túy nên là công cụ phạm tội vì vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn A bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn A 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2023.

2. Xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong phong bì niêm phong số 1418/KL-KTHS;
- Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động màu đen mặt sau có chữ Iphone của bị cáo Phạm Văn A;
- Trả lại bị cáo Phạm Văn A 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18B2-xxxxx nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng, tài sản, đồ vật có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 68/YCN/2024 ngày 23-11-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Phạm Văn A có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. N (02 bản);
- Công an TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Việt Bằng